

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Về Đề án Phát triển tổng thể kinh tế - xã hội vùng bãi
sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030

I- TÌNH HÌNH KINH TẾ – XÃ HỘI VÙNG BÃI**1- Những thành tựu, kết quả**

Vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên có 44 xã thuộc 6 huyện, thành phố (Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ và thành phố Hưng Yên), nằm phía ngoài đê tả sông Hồng và đê tả sông Luộc; có các quần thể di tích lịch sử, văn hóa lâu đời, nổi tiếng, như: Quần thể di tích Phó Hiến, khu du lịch Đa Hòa - Dạ Trạch, lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung, đền Mẫu, cây Đa và đền thờ La Tiến, đền Tổng Trân - Cúc Hoa,... Có vị trí địa lý thuận lợi, giáp thủ đô Hà Nội; dân số vùng bãi 99.626 người (chiếm 7,9% dân số toàn tỉnh), với 28.718 hộ (chiếm 7,6% số hộ toàn tỉnh), diện tích đất tự nhiên 9.467,5ha (chiếm 10% diện tích toàn tỉnh), trong đó đất sản xuất nông nghiệp 5.690,8ha (chiếm 10,4% diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh) còn lại là đất phi nông nghiệp.

Hiện nay, kinh tế vùng bãi chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy và bến bãi vật liệu xây dựng. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, du lịch có chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp đạt được nhiều thành tựu, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi hiệu quả; đã hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, tập trung (Hoa, cây cảnh 447,35 ha; quýt cảnh 300 ha; 731 ha nhãn; 623 ha cam; 1.245 ha chuối và 40 ha cây dược liệu; tổng đàn gia súc đạt 11.620 con, gia cầm các loại đạt 456.738 con; nuôi thủy sản đạt 309,83 ha và trên 340 lồng nuôi cá trên sông; có 86 hợp tác xã, 60 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp); số làng nghề đang từng bước phát triển và hoạt động hiệu quả (Hoa, cây cảnh Xuân Quan, Phụng Công; làng nghề mộc Minh Khai, xã Đại Tập), có tổng doanh thu đạt gần 2.700 tỷ đồng; nhiều sản phẩm OCOP đang được thúc đẩy phát triển.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư. Hệ thống kênh mương thủy lợi có chiều dài 251,64km, trong đó 49,77km đã được cứng hóa (chiếm 20%); có 2 tuyến đê, tuyến đê tả sông Hồng có tổng chiều dài 59km là đê cấp I; tuyến đê tả sông Luộc có chiều dài 20,7km là đê cấp II; có 12 tuyến đê bồi với tổng chiều dài 77,88km, khả năng chống lũ của đê bồi đến báo động III. Hệ thống giao thông có chiều dài trên 555km, (55km đường nhựa, 170km đường bê tông, còn lại chưa được cứng hóa); có 2 tuyến đường sông, tuyến sông Hồng dài 64km và tuyến sông Luộc dài 28km; trên các tuyến sông Hồng, sông Luộc hình thành 21 bến khách ngang sông và 48 vị trí bến hàng hóa. 100% các khu vực dân cư vùng bãi có điện sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, thương



mại, dịch vụ và khai thác bến bãi; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Hạ tầng y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, di tích lịch sử và các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng thực hiện. Năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,32%; tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) đạt 87,4 triệu đồng, tương đồng với bình quân chung của cả tỉnh; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt gần 90%, nước sạch, vệ sinh môi trường, an sinh xã hội cơ bản đáp ứng yêu cầu; quốc phòng, quân sự địa phương, an ninh trật tự xã hội ổn định; đời sống vật chất, tinh thần của người dân khởi sắc, nông thôn sạch đẹp, yên bình.

2- Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1- Hạn chế, yếu kém

Kinh tế vùng bãi chủ yếu tập trung trong phát triển sản xuất nông nghiệp, hiệu quả mới chỉ đạt được bước đầu, các lĩnh vực khác còn rất hạn chế; chất lượng và quy mô của hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu; chưa xây dựng được các công trình hạ tầng quy mô lớn; việc phát triển đô thị còn yếu và thiếu; công nghiệp, hạ tầng thương mại, dịch vụ phát triển chậm, chưa có các trung tâm thương mại, dịch vụ vui chơi giải trí, trung tâm thể thao cao cấp; tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, làng nghề quy mô còn nhỏ, lẻ; hạ tầng văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao chưa phù hợp với xu thế; chưa khai thác tối đa tiềm năng sông nước, vị trí thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái gắn với giá trị lịch sử, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực, nhất là nông nghiệp công nghệ cao.

2.2- Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

Thiếu chủ trương, định hướng về phát triển tổng thể kinh tế - xã hội vùng bãi; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở trong phát triển kinh tế - xã hội vùng bãi chưa sâu sát, thiếu quyết liệt; sự phối hợp giữa một số sở, ngành tỉnh với địa phương chưa thực sự chặt chẽ; nguồn lực đầu tư cho phát triển vùng bãi chưa đáp ứng yêu cầu; quy hoạch phòng, chống lũ, đê điều theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ còn bất cập; sự gắn kết giữa các sản xuất tiểu thủ công nghiệp chưa chặt chẽ, chưa có mô hình tổ chức phù hợp; sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề còn đơn giản, độ tinh xảo chưa cao, thiếu đặc trưng, khó khăn trong cạnh tranh, phát triển thương hiệu, thị trường.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, người dân về vị trí, vai trò, tiềm năng, lợi thế phát triển của vùng bãi còn hạn chế, đặc biệt là ý thức bảo vệ tài nguyên du lịch tại các khu, điểm du lịch chưa cao; chưa quan tâm đầu tư phát triển các di tích, di sản văn hóa, lịch sử của vùng bãi trở thành điểm du lịch.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Mục tiêu

1.1- Mục tiêu tổng quát

Phát triển tổng thể kinh tế - xã hội vùng bãi sông Hồng, sông Luộc, nhằm phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của vùng bãi, trên cơ sở sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế với cơ cấu hợp lý. Hình thành hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy đồng bộ. Xây dựng một số bến cảng, bến trung chuyển hàng hóa thủy nội địa; phát triển đô thị, nhà ở sinh thái, thông

minh, trung tâm thương mại, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao hiện đại, văn minh. Thu hút đầu tư, khai thác, phát huy, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa, gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp đa chức năng theo hướng bền vững, phù hợp với quy hoạch triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng. Xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

1.2- Mục tiêu cụ thể

1.2.1- Mục tiêu đến năm 2025.

- Phân đầu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng bãi bình quân 05 năm đạt 7,0 - 8,0%; giá trị thu được từ một ha canh tác đạt trên 250 triệu đồng/ha; tỷ lệ lao động qua đào tạo vùng bãi đạt 71%; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1% vào cuối năm 2025; tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 95%, ở nông thôn đạt 90%; Duy trì tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%, 100% số trạm y tế xã đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, thực hiện được ít nhất 80% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã. Có ít nhất 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 06 đến 10 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường; 20 làng nghề vùng bãi được công nhận; từ 25 - 30 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

- Phát triển một số khu đô thị mới, đô thị sinh thái, nhà ở cao cấp, trung tâm thương mại, dịch vụ, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao cao cấp gắn với phát triển dịch vụ, du lịch, vui chơi,...

- Phát triển 3 tuyến du lịch văn hóa, lịch sử (quần thể di tích Phố Hiến; Đền Đa Hòa - Dạ Trạch, lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung; đền thờ La Tiến, Tống Trân - Cúc Hoa); mở rộng phát triển du lịch văn hóa, lịch sử gắn với du lịch tham quan, trải nghiệm, sinh thái, trang trại, nông nghiệp nông thôn, vui chơi giải trí, đa dạng hóa sản phẩm du lịch và góp phần thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

1.2.1- Mục tiêu đến năm 2030.

Phân đầu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người ở mức khá so với bình quân của cả tỉnh; hình thành sản xuất công nghiệp công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp sạch và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, hữu cơ, đa năng. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; hoàn thành cơ bản các khu đô thị, đô thị sinh thái, nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí cao cấp; thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển; các di tích lịch sử, di sản văn hóa, các thiết chế văn hóa xã hội được bảo tồn, tôn tạo và phát huy hiệu quả gắn với phát triển du lịch; tất cả các trạm y tế xã thực hiện được đầy đủ các nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện được 100% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã. Duy trì 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường, 100% hộ gia đình được sử dụng nước sạch; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 75%; hoàn thành xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn

mới kiểu mẫu; bảo đảm công tác phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

2- Nhiệm vụ và giải pháp

2.1- Rà soát quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội vùng bãi

- Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng bãi trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp, đồng bộ với các quy hoạch ngành, lĩnh vực; tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện.

- Lập và thường xuyên rà soát quy hoạch phòng, chống lũ, quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Luộc để điều chỉnh kịp thời; bảo đảm công tác phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, phù hợp với các quy hoạch, quy định liên quan.

2.2- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo nghề, chuyển đổi lao động từ sản xuất nông nghiệp, sang công nghiệp, dịch vụ; nâng cao năng lực hoạch định phát triển kinh tế - xã hội của đội ngũ cán bộ, công chức; khuyến khích, động viên cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức và quyết liệt trong hành động.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho lao động có tay nghề, bằng cấp của các địa phương khác đến làm việc ở vùng bãi.

2.3- Phát triển hạ tầng kỹ thuật

2.3.1- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

- Phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, toàn diện, từng bước hiện đại và bền vững, bảo đảm được sự liên kết giữa các phương thức vận tải; kết nối di sản văn hóa, lịch sử, du lịch, phát triển kinh tế dọc sông Hồng và các khu đô thị, trung tâm dân cư, thể thao, sinh thái, các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy, đối nội, đối ngoại tạo thuận lợi cho việc đi lại của người dân; đẩy mạnh giao thương giữa các vùng, địa phương; hình thành trục không gian văn hóa cảnh quan sinh thái Phố Hiến - Hà Nội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vùng bãi theo quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh; phát triển vận tải an toàn, tiện lợi gắn bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống giao thông thủy, bến cảng hàng hóa, hành khách và các bến thủy nội địa đáp ứng nhu cầu vận chuyển dọc sông và ngang sông, phục vụ dân sinh, du lịch, sản xuất nông nghiệp, thương mại.

2.3.2- Phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, đề điều

- Xây dựng hệ thống thủy lợi bảo đảm tính kế thừa, ổn định đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nói chung, cũng như phát triển nông nghiệp, đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới; phục vụ nhu cầu cấp, tiêu thoát nước, cấp nước sạch

cho các khu dân cư, đô thị, nhà ở, trung tâm thể thao, thương mại, dịch vụ, du lịch, vui chơi, giải trí cao cấp,...

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều tả sông Hồng, sông Luộc, đê bồi kết hợp giao thông vận tải, tối đa hóa hiệu quả phục vụ, cũng như bảo đảm an toàn, kéo dài tuổi thọ công trình, phòng, chống lũ lụt. Quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm, kênh tưới, tiêu, cống dưới đê bồi phục vụ sản xuất và dân sinh cho vùng bãi gắn với quy hoạch thủy lợi, đê điều, phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ tác động của thiên tai.

2.3.3- Phát triển mạng lưới cấp nước sạch và vệ sinh môi trường

Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống cấp nước sạch đồng bộ, thống nhất; khai thác có hiệu quả vùng nước mặt hệ thống sông Hồng, sông Luộc và bảo đảm vệ sinh môi trường theo hướng đồng bộ, hiện đại, áp dụng công nghệ mới, quản lý vận hành thông minh, bền vững, đáp ứng nhu cầu của các khu đô thị mới, khu đô thị sinh thái, thương mại, dịch vụ, du lịch và nhân dân vùng bãi, vùng lân cận. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công; có cơ chế thu hút các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tham gia đầu tư thực hiện các dự án cấp nước sạch, dịch vụ vệ sinh môi trường của vùng bãi.

2.3.4- Phát triển hệ thống điện, viễn thông

Xây dựng và phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống lưới điện, mạng lưới viễn thông cung cấp cho các khu đô thị mới, các khu du lịch sinh thái, các trung tâm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại, dịch vụ; phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm,.. cung ứng kịp thời cho các nhu cầu khai thác và sử dụng điện, viễn thông của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

2.4- Phát triển đô thị

- Thực hiện các dự án phát triển các khu đô thị mới, khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng; xây dựng các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, thể thao gắn với khu nghỉ dưỡng sinh thái, cao cấp ven sông; ưu tiên phát triển hạ tầng đô thị xanh với hệ thống giao thông thông minh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, đổi mới và sử dụng công nghệ, kỹ thuật, vật liệu sạch; ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học - công nghệ trong phát triển công trình xanh, đô thị xanh và tận dụng tối đa môi trường cảnh quan sẵn có, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển khu đô thị, đô thị sinh thái gắn với phát huy bản sắc văn hoá vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và xây dựng đô thị sáng tạo, đô thị thông minh, ứng dụng công nghệ cao; sớm triển khai và hoàn thành trước năm 2030 dự án phục dựng Phố Hiến cổ kết hợp khu đô thị thương mại, dịch vụ phục vụ du lịch văn hóa, lịch sử, mua sắm, nghỉ dưỡng, khu nhà ở, trung tâm thương mại, thể thao, vui chơi, giải trí cao cấp,... tại thành phố Hưng Yên và các xã vùng bãi trên địa bàn tỉnh.

2.5- Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

2.5.1- Phát triển thương mại, dịch vụ

Xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ đồng bộ, hiện đại, văn minh; tích cực, chủ động tham gia mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giúp vùng bãi mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn vệ sinh; phát triển và nâng cao hiệu quả

hoạt động của hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí.

2.5.2- Phát triển du lịch

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng để trở thành lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội vùng bãi; trọng tâm là phát triển du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái gắn với cộng đồng, du lịch nông nghiệp trải nghiệm; du lịch gắn với các khu đô thị sinh thái, trung tâm đô thị thương mại, dịch vụ, nghỉ dưỡng, khu thể thao, vui chơi, giải trí cao cấp, hiện đại; hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, chủ lực của vùng, địa phương như tuyến du lịch sông Hồng, các tuyến du lịch gắn với khu phố hoa thị trấn Văn Giang, cụm di tích Đa Hòa - Dạ Trạch, cụm di tích Phố Hiến, di tích lịch sử Cây đa và Đền La Tiến,...

- Tăng cường tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù; đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về du lịch, người hoạt động trong lĩnh vực du lịch; nâng cao nhận thức xã hội về phát triển du lịch và ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch ở vùng bãi. Có cơ chế, chính sách trong đầu tư phát triển du lịch; xã hội hoá, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển du lịch.

2.6- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

- Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển nông nghiệp đô thị; trọng tâm là phát triển sản xuất hoa, cây cảnh, chăn nuôi gia súc, gia cầm ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích tích tụ ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn, vùng sản xuất chuyên canh tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ theo hướng hiện đại, có hiệu quả cao và bền vững; mở rộng diện tích trồng hoa cây cảnh tập trung; ổn định diện tích trồng nhãn, cam, chuối; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trâu bò, gia cầm, ổn định đàn lợn; có từ 50 - 60% số hộ chăn nuôi an toàn theo hướng Vietgap; tỷ trọng chăn nuôi tập trung đạt 65-70%. Tiếp tục thành lập và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác; nhân rộng và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã. Tăng cường thu hút doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu các nông sản, mô hình sản xuất hiệu quả của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại trực tiếp, trực tuyến; duy trì, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với các các nông sản chủ lực, đặc sản của tỉnh gắn với mỗi xã một sản phẩm OCOP.

2.7- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề

- Phát triển bền vững tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, ngành nghề nông thôn vùng bãi; khai thác hiệu quả tiềm năng vùng đất bãi để phát triển các làng nghề hoa, cây cảnh, các ngành nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp.

- Chú trọng công nghiệp hỗ trợ trong chế biến, bảo quản nông sản theo

hướng bền vững; phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề có thể mạnh như hoa, cây cảnh, mộc, chế biến dược liệu, chế biến nông sản,... Có cơ chế, chính sách, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao, chất lượng và có giá trị gia tăng cao; khuyến khích, hỗ trợ đặc thù để phát triển ổn định những làng nghề, ngành nghề có lợi thế gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, bảo đảm an sinh xã hội.

2.8- Phát triển hệ thống y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao

2.8.1- Hệ thống y tế

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân, nhất là tại các trạm y tế tuyến xã; nâng cao chất lượng phục vụ, y đức của đội ngũ cán bộ y tế; duy trì 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 10 bác sỹ/1 vạn dân và 30 giường bệnh/1 vạn dân; 100% thôn, xóm có đủ nhân viên y tế hoạt động theo quy định; đến năm 2025, có 100% số trạm y tế xã đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, thực hiện được ít nhất 80% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; đến năm 2030, phân đầu tất cả các trạm y tế xã thực hiện được đầy đủ các nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện được 100% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã. Thu hút đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập; khuyến khích xã hội hóa vào lĩnh vực y tế, phát triển các mô hình chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.8.2- Hệ thống văn hóa, thể dục, thể thao

- Tập trung thu hút các nguồn lực, đầu tư xây dựng và triển khai các dự án trung tâm thể thao, khu vui chơi cao cấp, gắn với phát triển thương mại, dịch vụ phục vụ du lịch, giải trí, nghỉ dưỡng,...

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa; tiếp tục triển khai thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “phòng chống bạo lực gia đình và học đường”; đẩy mạnh phát triển phong trào thể thao quần chúng. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch phát triển truyền thanh, truyền hình; tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng thông tin truyền thông, nâng cao chất lượng hoạt động của các loại hình văn hóa, văn nghệ; tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp nhà văn hóa xã, phường, thị trấn, các nhà văn hóa ở thôn, khu phố, các trung tâm thể dục thể thao cấp xã,...

2.8.3- Hệ thống giáo dục

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo hướng toàn diện; tiến hành đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực. Phân đầu tỷ lệ giáo viên trên chuẩn bậc mầm non, tiểu học đạt 100%; trung học cơ sở đạt 95%; trung học phổ thông đạt 30%. Tăng cường đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các trường, lớp học để đảm bảo duy trì, nâng cao chất lượng dạy và học. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục bậc mầm non, giáo dục phổ thông và đào tạo nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các trung tâm giáo dục, đào tạo chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân ở các khu đô thị mới và trong khu vực.

2.9- Tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư vào vùng bãi

- Tập trung huy động, khai thác triệt để, có hiệu quả các nguồn lực đầu tư vào vùng bãi sông Hồng, sông Luộc. Thu hút đầu tư, xây dựng đồng bộ hạ tầng

giao thông, thủy lợi, văn hóa, xã hội phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh. Có cơ chế, chính sách, kêu gọi khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển tổng thể kinh tế - xã hội vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng bãi; trong đó, tập trung thu hút đầu tư vào phát triển hệ thống giao thông, bến cảng, đô thị, nhà ở, trung tâm thương mại, khu vui chơi, giải trí, thể thao, nghỉ dưỡng cao cấp, y tế, giáo dục, bảo đảm môi trường sinh thái, an sinh xã hội và tôn tạo khai thác, các di tích, di sản văn hóa truyền thống gắn với thương mại, dịch vụ, du lịch, du lịch sinh thái; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

2.10- Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, gắn với tiếp tục thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao năng lực điều hành, xây dựng chính quyền cơ sở tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, uy tín. Đổi mới, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tạo sự đoàn kết thống nhất, đồng thuận cao trong nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng làm tốt công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành; phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân; đề cao trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành.

- Thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; kịp thời giải quyết các vụ việc, không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh trật tự. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; phát huy sức mạnh tổng hợp cả hệ thống chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Cấp ủy, tổ chức đảng trong hệ thống chính trị tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và tiến hành giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo luật định.

2- Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với cấp ủy, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các sở, ngành tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết và tổ chức thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình, có phân công, xác định trách nhiệm rõ ràng.

3- Các sở, ban, ngành tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

tỉnh; các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc có kế hoạch tuyên truyền, quán triệt; thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên theo tinh thần Nghị quyết. Đối với cấp ủy huyện các địa phương có đê và vùng bãi (Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ và thành phố Hưng Yên) xây dựng chương trình hoặc kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết; đẩy mạnh việc phát triển kinh tế - xã hội vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết và kết quả thực hiện Nghị quyết tới cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân.

5- Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng, triển khai đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên về các nội dung Nghị quyết và tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết; giám sát, phải biện xã hội trong việc thực hiện Nghị quyết tại các cấp, ngành trên địa bàn tỉnh.

6- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi triển khai thực hiện Nghị quyết tại địa phương, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị được giao phụ trách.

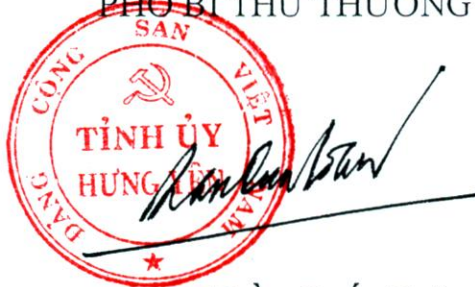
7- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ, trước ngày 31/12 hàng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo);
- Các Ban Đảng và Văn phòng TW Đảng;
- Đảng đoàn HĐND, BCS đảng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lãnh đạo VPTU, TKBT;
- CV KTXH, TH, VPTU;
- Lưu VPTU, CV^{DĐ}.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Trần Quốc Toàn